
VÀI VẤN ĐỀ PHẬT PHÁP

LỜI ĐẦU SÁCH

Sở dĩ tôi cho ra tập sách này, do những buổi giảng của tôi gần đây, được một Phật tử ghi lại đầy đủ và gửi đến nhờ tôi xem và sửa hộ. Thấy sẵn có duyên thuận tiện, tôi mới nảy ra ý định cho in để phổ biến.

Đã là những bài giảng nên nó có tính cách phổ thông hơn là nghiên cứu. Mặc dù nó mang vài đề tài có tính cách triết học, nhưng tôi vẫn giảng giải nghiêng về chiều đạo đức nhiều hơn.

Theo nhận xét của tôi, đức Phật nói một bài Kinh nào cũng hướng về chiều xây dựng con người đầy đủ đức hạnh và vượt ra ngoài vòng trói buộc của phiền não xấu xa. Tuy có những trường hợp ngài đề cập đến triết học, nhưng chung quy đều nhằm thật sự lợi ích cho con người. Do đó, tôi không ngại lấy sự xây dựng đạo đức làm căn bản, khi nói vài vấn đề có liên hệ triết học.

Quyển sách này được đến tay quý độc giả, tôi cảm thấy hân hoan nhớ lại công phu biên chép kỹ càng của một Phật tử đã giúp tôi hoàn thành một Phật sự.

Chùa Huệ Nghiêm, mùa an cư PL. 2508

Tác giả cẩn chí

THÍCH THANH TỪ

NHÂN SINH QUAN PHẬT GIÁO

Bất cứ trong một tôn giáo, một triết học nào, phần nhân sinh quan vẫn là quan trọng. Chúng ta theo một tôn giáo mà không biết quan niệm nhân sinh trong tôn giáo ấy như thế nào, thật là một khuyết điểm lớn lao. Ở đây, chúng ta chỉ riêng bàn về phần nhân sinh quan Phật giáo để tìm hiểu Phật giáo quan niệm về đời sống con người như thế nào?

Cách đây hơn hai mươi lăm thế kỷ, người Đại sĩ núi Tuyết đã trình bày rõ ràng quan niệm của ngài đối với kiếp sống con người, quan niệm ấy, do Người thực nghiệm và đã thấu đạt một cách cứu cánh. Vì thế, trong ba tạng thánh điển, đức Phật lấy con người làm tiêu chuẩn để giải quyết. Cho nên, có thể nói rằng khi đề cập đến Phật giáo là đề cập đến con người qua quá khứ, hiện tại và vị lai; Phật giáo nói rõ con người do đâu phát sinh, tại sao sanh ra đây và sau khi chết sẽ về đâu?

Với vấn đề mệnh mông ấy, chúng ta không có đủ thời giờ để bàn giải tường tận. Nay chỉ hạn cuộc trong đời sống hiện tại, chúng ta xét đoán về con người.

I- TIÊU CHUẨN QUÁN SÁT NHÂN SINH

Mỗi chúng ta đều mang sẵn trong người một vũ trụ quan riêng biệt. Bởi chỗ riêng biệt đó, mỗi người có một nhận xét về cuộc sống khác nhau. Tuy sự nhận xét có trăm ngàn cách, nhưng không ngoài hai điểm căn bản *đời người khổ hay lạc*. Khổ, lạc là tiêu chuẩn để quán sát con người.

Nói đến kiếp người là nói đến khổ và vui. Đối với ai nhận thức cuộc đời tươi đẹp hạnh phúc là chủ nghĩa lạc quan. Trái lại, họ thấy đau khổ chán chường thì sanh chủ thuyết bi quan. Thế rồi mỗi người mỗi nẻo tranh luận nhau. Đa số người ghép Phật giáo thuộc về chủ nghĩa bi quan yếm thế. Bởi trong kinh, đức Phật há chẳng thường dạy: “Nước mắt chúng sanh nhiều hơn nước bể cả.” Hoặc ngài mạt sát thân này là ô uế bất tịnh, là giả trá tạm bợ như làn chớp hòn bọt... Như vậy, người ta tưởng tượng những nhà tu Phật giáo trên gương mặt hằng biểu hiện những nét khổ đau, sầu não, chán nản, ê chề. Nhưng ngược lại, nếu chúng ta được gần những nhà sư chân chính, nhìn gương mặt họ lúc nào cũng vui tươi điềm đạm, cặp mắt sáng suốt đầy cương quyết, lời nói hiền hòa vui vẻ, nụ cười lúc nào cũng chực nở trên môi.

Tại sao có sự mâu thuẫn lạ lùng ấy? Không lý những nhà sư kia không thâm hiểu Phật giáo. Sự thật họ đã thâm hiểu Phật giáo hơn ai hết. Do chỗ thâm hiểu

đó, họ mới có đủ đức tính điềm đạm, vui tươi và đầy cương nghị.

Tuy nhiên, Phật giáo nhìn nhận thân phận con người là bèo bọt, là bất tịnh, kiếp sống con người luôn luôn đau khổ bởi chiếc búa vô thường phá hoại. Nhưng đức Phật chỉ cho ta biết nhìn thẳng vào khổ đau để có sức chịu đựng, để tìm lối thoát ly xiềng xích khổ đau đang vây quanh chúng ta.

Trên con đường cơ hiểm, nếu những khách bộ hành nhắm mắt đi liều thì sớm muộn gì cũng phải rơi xuống hầm hố. Muốn tránh khỏi nguy hiểm ấy, người dẫn đường có bốn phận đánh thức họ và bắt buộc họ phải nhìn kỹ chung quanh mà đi. Đức Phật cũng thế, ngài là vị Đạo sư của chúng sanh. Ngài không nỡ để cho chúng sanh cứ đi liều trong đêm tối hiểm nghèo, nên ngài kêu gọi “các con hãy tự thấp đức lên mà đi, thấp đức lên với chánh pháp”.

II- GIÁ TRỊ NHÂN SINH THEO QUAN NIỆM PHẬT GIÁO

Phật giáo thừa nhận *nhân sinh đa khổ*. Dù người sanh trong giai cấp nào, ở địa vị nào, ở hoàn cảnh nào cũng đều đau khổ. Cái đau khổ căn bản không ai có thể tránh được.

Có một số người cho rằng quan niệm Phật giáo như vậy là thái quá. Thí dụ khi người ta đói là khổ, nhưng được ăn là vui, khi lạnh là khổ, được mặc ấm là vui. Như vậy đời người vừa có khổ cũng vừa có vui.

Nghĩ thế là sai lầm. Cái khổ vui đối no, ấm lạnh bên ngoài là những khổ vui mong manh cạn cợt không đáng kể. Phật giáo nói khổ vui là nhắm vào phần căn bản, là nghĩ đến cuộc đời đen tối, phủ vây bởi sanh, già, bệnh, chết... Khổ mà Phật giáo nói là cái khổ do sự mâu thuẫn tạo thành.

Là con người ai cũng mong mình được sống lâu trẻ mãi, muốn mình mạnh khỏe luôn đừng đau ốm. Nhưng thiên nhiên không cho phép, cứ thúc đẩy bắt buộc chúng ta lại phải đau, phải già, phải chết. Sự mâu thuẫn này khiến con người khổ đau vô tận.

Một vùng nắng hạn đốt khô lúa mạ hoa màu, bỗng đổ một trận mưa to làm cho con người rất thỏa mãn. Nhưng nếu mưa cứ đổ mãi, đường sá ngập lụt thì người trở lại ta thán kêu rêu... Bởi hoàn cảnh ít khi chiều theo ý muốn con người nên sự mâu thuẫn giữa người với thiên nhiên bao giờ cũng có. Do đó tạo thành một cuộc xung đột thường xuyên giữa người với ngoại cảnh.

Trong tâm hồn chúng ta tình cảm và lý trí thường xung đột nhau. Khi bị tình cảm lôi cuốn ta làm sai, nghĩ quấy, kịp đến lý trí vừa trở về là mở một cuộc trùng phạt nặng nề. Cứ thế mãi, giữa tình cảm và lý trí một bên kéo đi, một bên lôi lại tạo thành một cuộc xung đột, thanh trùng thường xuyên trong nội tâm. Đó là tình trạng đau khổ trầm trọng trong con người ta với ta. Điều đau khổ này có thể hết, là khi nào lý trí toàn thắng tình cảm.

III- ĐIỂM ĐỘC ĐÁO CỦA PHẬT GIÁO

Nhận chân cuộc đời, nhìn đau khổ nhưng người Phật tử vẫn sẵn sàng lăn mình vào dòng đời, vẫn can đảm nhận chịu một cuộc sống dù đầy dẫy tai ách. Tuy họ thấy thực trạng cuộc đời là đau khổ nhưng họ vẫn hãnh diện đã được làm người.

Phật giáo chỉ rõ những khổ đau của con người. Nhưng Phật giáo vẫn không quên vạch những ưu điểm nơi con người. Như trong kinh đã dạy: *Con người có suy tưởng, có quả cảm, có trí tuệ, nên dễ tiến tu.* Hoặc những câu *Thân người khó được (Nhân thân nan đắc). Một phen mất thân này muôn kiếp khó tái hồi.* (Nhất thất nhân thân, vạn kiếp bất phục), *Ngàn năm cây sắt trở bông còn dễ, một phen mất thân này được lại khó hơn.* (Thiên niên thiết thọ khai hoa dị, nhất thất nhân thân vạn kiếp nan). Hoặc như đoạn kinh này:

“... Ví như quả đất sụp thành biển cả, có một con rùa mù sống vô lượng kiếp, một trăm năm mới trời đầu lên một lần. Trong biển có một bọng cây nổi, chỉ có một lỗ, trôi giạt trên mặt biển, theo gió sang đông, tây. Con rùa mù một trăm năm mới trời đầu lên một lần tìm bọng cây, sẽ gặp bọng cây chăng?

A-nan bạch Phật:

- Thế Tôn, không thể gặp được. Vì sao? Vì con rùa mù nếu đến biển đông thì bọng cây đã theo chiều gió sang biển tây, nam, bắc bốn phía chung quanh cũng vậy, không thể gặp nhau.

Phật bảo A-nan:

- Con rùa mù tìm bông cây tụy sai lạc, nhưng còn có khi gặp nhau, kẻ phàm phu ngu si trôi giạt trong ngũ thú, tạm được thân người, rất khó hơn con rùa mù tìm bông cây kia...”

(Kinh Tạp A-hàm quyển 16, bài kinh số 406)

Qua những lời Phật dạy ở trên, chúng ta tự thấy thân người rất khó được. Đã được thân người ai nỡ hủy hoại, hoặc buông xuôi để một đời luống qua vô nghĩa.

Lại nữa, đức Phật đã từng dạy: “Đọa địa ngục quá khổ sở, ngạ quỷ thì đói khát, súc sanh nhiều ngu si, lên cõi trời đầy đủ dục lạc nên không thể tu được, chỉ có làm người là đủ điều kiện tiến tu hơn cả.” Vì ở cõi người tuy có nhiều đau khổ, nhưng chúng ta còn có thể chịu nổi. Cho nên, cõi này đức Phật gọi là cõi Ta-bà (kham nhẫn).

Cõi này tuy ế trước, nhiều đau khổ, nhưng còn chịu đựng nổi, nhờ đó mà tiến tu thêm, nên chúng ta được sanh vào đây đã có một giá trị đặc biệt trên con đường đạo đức. Đọa trong ba đường ác vì chịu khổ đau không có phút nào rảnh rỗi, hoặc si mê không hiểu biết nên không thể nào tiến bước trên đường đạo đức. Được sanh lên cõi trời thì sung sướng quá cũng không có phút giây nào nghĩ đến sự tiến tu. Một bên chịu đựng quá sức, một bên thụ hưởng quá sức, cả hai đều chung quy một thái độ buông xuôi không tự vươn lên được. Chỉ có cõi người là chiết trung giữa hai cực đoan ấy, nên đủ sức vươn lên. Đó là giá trị đặc biệt của con người, Phật giáo đã vạch rõ.

IV- NHÂN SINH HOẠT ĐỘNG CÙNG ĐAU KHỔ

Lúc khỏe mạnh, làm ăn bình thường, tư tưởng chúng ta cũng bằng phẳng, không có gì tiến bộ. Những khi gặp biến cố, buộc tâm trí chúng ta phải làm việc, phải suy tư, do đó mới nảy sinh những ý kiến hay, tư tưởng lạ. Vì thế, lắm khi sự rủi lại hóa thành may. Những thất bại dạy chúng ta thêm nhiều kinh nghiệm để thành tựu sau này.

Từ bé chí trưởng sống một cuộc đời đầy đủ, được mọi người nuông chiều, con người đó dù được bao nhiêu tuổi cũng chưa được gọi là trưởng thành. Có vướng phải trở ngại, con người mới chợt tỉnh dừng lại để quán sát, để suy tư tìm lối thoát. Chính trong lúc ấy, tâm mình mới vươn lên khỏi bậc cũ. Chính sự khổ đau đã điều luyện tâm linh con người cao đẹp hơn, màu sắc hơn, trầm tĩnh hơn. Con người tiến bộ nhờ khổ nhiều vui ít.

Những con nhộng hình thù xấu xí, nếu không chịu khổ sở, giam mình trong lớp kén một thời gian, thì làm sao một sáng mùa xuân lại trở thành một con bướm xé kén chui ra mang những cánh hoa rực rỡ? Có thành con bướm rồi, có bay liệng trên không trung rồi, nhìn lại đồng loại mình đang mang thân nhộng, mới biết xót thương cho cuộc sống xấu xa.

Sợ khổ đau, con người không thể tiến bộ được. Trong kinh điển Phật giáo luôn luôn nhắc nhở con người phải nhận thức sự khổ đau và xem sự khổ đau là những chất liệu cần yếu để xây đắp ngôi đền đạo đức. Thiếu khổ đau ngôi đền đạo đức phải tan vỡ. Có hiểu được

cuộc đời là xấu xa, đau khổ, con người mới lo tìm cách sửa đổi nếp sống và tâm hồn mình cho tươi đẹp, trong sạch hơn lên. Do đó, bài thuyết pháp đầu tiên của đức Phật tại Lộc Uyển là pháp tứ diệu đế.

Khổ đế được ngài nêu lên trước nhất. Khi người ta hiểu được quả đau khổ rồi, mới phăng lần đến nguyên nhân gây ra đau khổ là *tập đế*. Biết rõ nguyên nhân và kết quả của sự đau khổ, Phật mới dạy phương pháp trừ diệt những nguyên nhân ấy là *đạo đế*. Khi những nguyên nhân đau khổ đã diệt hết, tâm được thanh tịnh, an lạc, giải thoát, là *diệt đế*.

Cốt tủy của con người đạo đức, động cơ thúc đẩy sự tu hành hầu hết đều phát nguyên do nhận thức cuộc đời là đau khổ. Đau khổ có một địa vị trọng yếu trong đời sống con người. Thiếu nó, con người sẽ trở thành hư hỏng, đốn hèn. Người muốn tiến bộ, muốn vươn lên và giải thoát, phải nhìn thẳng vào đau khổ.

Tóm lại, đạo Phật quan niệm con người đau khổ bởi sự mâu thuẫn giữa mình và thiên nhiên, giữa tình cảm và lý trí. Chúng ta có thể xoay chuyển những mâu thuẫn ấy trở thành thuận hòa thì tất cả mầm đau khổ đều tan vỡ. Nghĩa là chúng ta phải tận dụng lý trí dẫn tình cảm, bao giờ lý trí hoàn toàn làm chủ tình cảm là lúc ấy chúng ta sẽ hết khổ đau.

Đức Phật nói khổ đau để chúng ta ý thức được nó, để biết nó ẩn tàng nơi nào, mà tìm phương pháp diệt trừ nó. Người Phật tử chân chính can đảm chịu đựng mọi sự

khổ đau và tin mình có đủ trí tuệ, có đủ khả năng dứt bỏ ra ngoài sự ràng buộc khốc hại của nó.

Nói đến Phật giáo là nói đến sức mạnh vô biên của tâm minh do con người đầy dũng cảm. Phật giáo đã dạy con người dám nhìn thẳng sự thật và nói thẳng sự thật. Phật giáo nói kiếp người là đau khổ, nhưng phải lợi dụng kiếp người này vượt ra ngoài vòng đau khổ. Người Phật tử biết mang thân này là ô uế, giả tạm, nhưng cần phải mượn thân này làm con thuyền qua bờ thanh tịnh, an lạc. Người Phật tử không thúc thủ trước những khổ đau, vẫn hiên ngang đập tan bức thành khổ đau và vượt ra ngoài vòng trần lụy.



ĐẠO LÝ VÔ NGÃ

Chúng ta học Phật mà chưa hiểu thuyết Vô ngã là chưa hiểu gì về Phật giáo. Nền giáo lý thâm uyên của đạo Phật xây dựng trên thuyết vô ngã đạo lý tu hành có được giải thoát hay không, do chúng ta có phá được ngã chấp hay không. Vấn đề này người ta đã từng tiêu hao bao nhiêu giấy mực, tranh luận nhau, nhưng cũng chưa được mấy người lấy làm thỏa mãn.

Hôm nay trong thời gian ngắn (một tiếng đồng hồ) mà tôi dám đề cập đến đề tài khó giải này, chỉ vì tôi thấy nó rất quan trọng trên bước đường tu học của hàng Phật tử. Chắc rằng tôi sẽ không trình bày đầy đủ được, chỉ nêu ra những lý do tôi thấu lượm được trong thời gian tu học, đem cống hiến quý vị. Tùy quý vị lãnh hội được bao nhiêu thì tốt bấy nhiêu.

I- KHẢO SÁT VỀ HAI LỐI CHẤP THƯỜNG VÀ ĐOẠN

Trước khi muốn hiểu vô ngã, chúng ta phải hiểu chữ Ngã. Ngã nói cho đủ là *tự ngã* do dịch chữ atman ra. Theo Bà-la-môn giáo chủ trương trong con người chúng ta có cái tự ngã. Cái tự ngã này có đầy đủ ba nghĩa: đồng nhất, bất biến và tự tại. Bởi thừa nhận có cái tự ngã nên tiến dần đến chấp *thường kiến*. Nghĩa là chấp có phần tinh thần ẩn náu trong xác thân này, nó thường còn mãi mãi, dù xác thân này chết, hư hoại nó vẫn thường còn không biến đổi, nó hằng tự tại không bị chi phối. Tương tự lối chấp linh hồn thường còn của người bình dân Việt Nam.

Ngược lại, có phái chấp con người chỉ do vật chất cấu hợp thành. Khi thể xác tan hoại thì hết không còn biết chi nữa. Cuộc đời có giá trị hay không là do sự thụ hưởng nhiều ít, sau khi chết không còn có tội phúc quả báo. Đây là phái chấp *đoạn kiến*. Giống với thuyết Duy vật hiện tại.

Qua hai lối chấp ấy, đức Phật cho là hai thái độ cực đoan, đưa con người đến chỗ trầm luân đau khổ. Nếu thừa nhận có một tinh thần làm chủ ngự trị trong con người, thường còn không biến đổi, dù có đổi thay ngàn vạn xác thân, nó vẫn là nó, không bị cái gì chi phối, không đổi thay chút nào; đã có quan niệm này thì sự tu thiện, làm phúc cũng bằng thừa. Vì có tu cho mấy cũng không tiến, trụy lạc đến đâu cũng không lùi. Do đó, luân thường đạo lý bị đảo ngược.

Căn cứ trên thật lý mà xét, phần tri giác của con người thuở bé thơ, khác hơn ngày khôn lớn, thời trẻ

khác hơn lúc già, nó có khi tăng khi giảm. Gần người tốt lần lần tâm tính chúng ta trở thành tốt, ở chung kẻ ác tâm tính bị nhiễm xấu ác. Như thế thuyết nói tâm tính đồng nhất bất biến là sai.

Chấp chết rồi mất hẳn cũng vậy. Trên thực tế không có cái gì là mất hết cả. Thí dụ một ly nước đầy, chúng ta đem đổ trong thau phơi ngoài nắng, từ sáng đến chiều trở ra xem lại sẽ không còn thấy nước. Ở trường hợp này, nếu người nông dân chưa từng học lý hóa, họ sẽ kết luận là nước mất hẳn. Ngược lại, người thông thạo về lý hóa, họ sẽ giải thích nước không phải mất, chỉ thay đổi trạng thái từ thể lỏng biến thành thể hơi... Tất cả sự vật cũng thế, không có cái nào gọi là mất hẳn, chỉ tùy duyên chuyển biến từ hình thức này qua hình thức khác, từ trạng thái này qua trạng thái nọ mà thôi. Vật chất là phần thô trọng còn không mất, tinh thần là phần tinh tế làm gì mất hẳn được?

Đứng về đạo đức luân lý mà xét, chấp *đoạn diệt* đem đến tai hại cho xã hội cũng như lối chấp *thường còn* ở trên.

II- ĐỊNH NGHĨA VÔ NGÃ

Vô ngã nghĩa là trong con người chúng ta không có cái đồng nhất, bất biến và tự tại. Phật giáo chủ trương trong con người do hai phần tâm lý và vật lý phối hợp. Cả hai đều tùy duyên chuyển biến khi thăng khi trầm, nhưng không phải mất hẳn.

Chẳng những chỉ con người là vô ngã. Đức Phật nói *tất cả pháp đều vô ngã* (chư pháp vô ngã). Vì tất cả

pháp không pháp nào không bị sanh diệt, tất cả pháp đều chuyển biến và không độc lập. Thí dụ một chiếc áo, một cái bàn từ mới đến cũ nó chuyển biến từng giây từng phút, sự thành hình của nó là do nhiều nhân duyên kết hợp.

Nhận xét như trên, chúng ta thấy thuyết vô ngã là một chân lý phổ biến, không phải chỉ hạn cuộc trong phạm vi đạo đức luân lý.

III- VÔ NGÃ THUYẾT MINH TRUNG ĐẠO

Để phá hai lối chấp cực đoan *thường* và *đoạn*, Phật giáo chủ trương vô ngã. Thuyết Vô ngã vừa hợp chân lý, vừa dung hòa được hai cực đoan. Chủ trương của đạo lý vô ngã là phủ nhận thường và đoạn, thuyết minh *hằng* mà *chuyển*. Đứng về con người, từ vật lý đến tâm lý đều chuyển biến, nhưng không phải tiêu diệt. Đứa bé tiến đến người lớn và trở thành ông già là do chuyển biến không dừng. Nếu đồng nhất, đứa bé không thể thành người lớn được vì trước sau như một. Tinh thần tri giác cũng thế, nếu đồng nhất thì cái hiểu biết lúc trẻ đến lúc già cũng như một. Trên thực tế không phải vậy. Đó là *Chuyển*.

Nhưng không phải ly khai đứa bé A mà có ông già A, hay ly khai tri giác thuở nhỏ mà có tri giác ngày khôn lớn. Tuy nó biến chuyển, nhưng liên tục không mất. Đó là *Hằng*.

Chuyển phá được cái chấp thường, hằng phá được chấp đoạn, hằng và chuyển là giữa hai cực đoan thường và đoạn. Ấy là Trung đạo của Phật giáo.

IV- CÓ TRÍ TUỆ MỚI NHẬN CHÂN VÔ NGÃ

Thuyết lý vô ngã rất khúc chiết, tinh tế, nếu người không có trí tuệ khó thu nhận. Lâu nay con người đã quen theo tính chấp sai lầm, nhận bừa trong con người có cái ngã rồi lẫn lộn khổ đau gây nên muôn vàn tội lỗi cũng vì nó. Như câu chuyện này:

“Xưa nước Càn-đà-vệ (Gandhāra) có bọn con hát, nhân thời đói kém họ rủ nhau đi sang nước khác kiếm ăn. Đi qua núi Bà-la-tân là núi có rất nhiều quỷ dữ la-sát ăn thịt người. Bọn con hát tới đây phải ngủ đêm dưới chân núi, gió rét, đốt lửa sưởi. Trong bọn có một người rét quá ngủ không được, mới dậy lục rương áo trò lấy cái áo mặc vào, ngồi bên cạnh đống lửa sưởi ấm. Không ngờ chiếc áo ấy mang hình quỷ la-sát. Có một người ngủ tỉnh dậy trông ra đống lửa thấy quỷ la-sát ngồi sưởi. Sợ quá, anh vùng trỗi dậy chạy làm kinh động cả những người đang ngủ. Những người đang ngủ trỗi dậy trông thấy đua nhau chạy. Người mặc áo quỷ la-sát không hiểu sao cũng chạy theo. Những người trong bọn thấy quỷ la-sát đuổi theo sau cho là nó muốn ăn thịt mình, càng kinh hoảng chạy bất kể hầm hố gai góc. Họ chạy toác cả chân, sây cả trán, có người ngã xuống hố, té trong hầm, khổ sở đau đớn không thể tả. Đến sáng ra nhìn kỹ con quỷ la-sát mới biết đồng bọn. Tất cả sợ sệt đau khổ liền dứt sạch.”

(Kinh Bách Dụ, bài số 63)

Cổ lai mọi người đều âm thầm chấp ta, thân ta, của ta... nhưng kỳ thật có người nào thấy được cái ta ấy cho rõ ràng. Cũng như nghe đồn có quỷ la-sát, song

đoàn con hát này nào thấy quý la-sát ra sao. Bất chợt vừa trông thấy người mặc áo trò quý la-sát, lầm chấp là quý la-sát thật rồi họ sanh ra kinh khủng sợ sệt, chạy trốn chịu vô lượng khổ đau. Con người lầm chấp có cái ta thực thụ khiến phải kinh khủng khổ đau cũng như thế. Nhưng sau khi ánh thái dương đã lộ, họ nhìn thấy là đồng bọn và tự biết cái sai lầm của mình, thì mọi đau khổ đều dứt bật. Sau khi chúng ta có trí tuệ nhìn thấy mình thật là vô ngã thì mọi đau khổ không còn. Ban đêm thí dụ mê mờ. Mặt trời lên thí dụ trí tuệ.

Do mê mờ, chúng ta nhận giả làm thật, thân và cảnh vô ngã mà thấy là ngã. Khi trí tuệ phát sinh mới thấy được sự thật, chùng ấy chúng ta không còn bị vô minh ám ảnh, không còn nhận chấp sai lầm, thân và cảnh mới thật là vô ngã.

V- VÔ NGÃ CẦN YẾU CHO NỀN LUÂN LÝ ĐẠO ĐỨC

Chủ trương *hằng* mà *chuyển* của đạo lý vô ngã càng khiến chúng ta tin sâu thuyết nhân quả. Bởi nó hằng nên chúng ta gây nhân lành hay dữ đều không mất. Bởi nó chuyển nên từ cái nhân tí ti lần lần biến thành cái quả to lớn. Thí dụ: hạt xoài chúng ta đem đặt nó xuống lòng đất, nhờ sự chuyển biến dần dần mọc mầm, lên cây xoài và năm mười năm sau chúng ta được hưởng rất nhiều quả xoài. Nếu không có sự chuyển biến, nghĩa là hạt xoài vẫn đồng nhất, thì dù một trăm năm sau không thể có cây xoài. Tuy rằng hạt xoài luôn luôn chuyển biến, nhưng chất vị trái xoài sau này không khác nhau mấy chất vị trái xoài chúng ta gieo hạt. Chúng ta

ươm hạt xoài nhất định chúng ta sẽ có cây xoài và trái xoài sau này nếu chúng ta tạo đủ nhân duyên cho nó, nhờ sự *hằng* mà *chuyển* của nó.

Một đứa bé sống trong gia đình có giáo dục và giàu đạo đức, tính tình nó rất hiền hòa ngoan ngoãn dễ thương. Không may, cha mẹ mất sớm, không chỗ tựa nương, nó phải sống lang thang theo bọn trẻ mất dạy, dần dần những tánh tốt của nó bị tiêu ma. Sau này có người thương đem nó về nuôi cho ăn học, gần được thầy lành bạn tốt không bao lâu những đức tính tốt của nó được khôi phục lại.

Nếu chúng ta thừa nhận tâm thức con người là đồng nhất, bất biến thì tính tình tri thức làm gì có đổi thay tăng giảm. Sự thật tri thức chuyển biến, đổi thay tùy duyên, tùy cảnh, nhưng cái gì đã có, thì khôi phục rất dễ dàng. Sự đời nhà của mẹ thầy Mạnh chúng tỏ bà rất am hiểu lẽ này.

Mọi thành kiến chủ quan phát xuất từ chỗ chấp ngã. Tính tự ái của con người cũng bắt nguồn từ chấp ngã mà có. Bởi thấy thực có cái *ta* vĩnh cửu nên ai xúc phạm đến nó là phản đối, chống cự ngay. Sự phản đối ấy thành một bản năng tự vệ, không cần biết nó phải hay quấy. Lý trí con người bị mờ ám vì đó. Bao nhiêu người đua nhau lẫn xuống hố trụy lạc cũng bởi thấy mình là thật, cần phải thụ hưởng. Hơn thua thương ghét đều do chấp ngã mà ra. Khi yêu thương cái *ta* quá rồi, sanh ra ngạo mạn muốn đè bẹp kẻ khác. Cho việc làm của ta là hơn, ý nghĩa của ta là đúng. Ta là trung tâm vũ trụ,

ta là trên hết mọi người. Dù có người thật tài đức hơn, khôn ngoan hơn, vẫn khinh khỉnh không kính phục. Họ chẳng khác nào như hòn đá muốn xông ướp mùi hương, không thể được. Người mang nặng thành kiến chủ quan này, dù ai muốn xây dựng họ trở lại thành một người tốt đủ những đức tính hiền hòa khiêm tốn, không bao giờ được. Những người ấy lúc nào cũng bảo thủ thành kiến, chủ quan, ngoan cố và ngạo mạn. Vì mang sẵn tính xấu này nên không ai ưa và chịu gần gũi họ. Do đó, họ trở thành những kẻ bất mãn khổ đau.

Ai cũng thừa nhận tính khiêm tốn hòa nhã bao dung là những đức tính tốt dễ thương. Nhưng đức tính này chỉ phát sinh nơi những người vô ngã. Khi người ta không còn thấy có cái ta riêng biệt thì còn gì không khiêm tốn đối với mọi người. Đã không còn cái vỏ *ta* bọc cứng thì y cứ vào đâu để tranh đấu với người, sự hòa nhã và bao dung dĩ nhiên phải có. Không cần phải dụng công luyện tập mới có những đức tính ấy, khi họ đã được vô ngã. Như khi mặt trăng ra khỏi mây tự nhiên phải sáng.

Chẳng những có bao nhiêu tính tốt ấy, người vô ngã rồi thì những tính tham, sân, si cũng không còn. Thử hỏi người ta tham để làm gì, hay giận hờn với ai... khi không còn thấy có mình riêng biệt? Cái ta đã phá vỡ thì mọi tính xấu chung quanh nó cũng tan hoang. Nếu khi chưa phá được cái *ta* dù người ấy có cố gắng làm điều lành điều tốt, nhưng dần dần những điều ấy sẽ biến đổi chất vị trở thành ích kỷ và sân si. Đã biết bao lý thuyết gia khi trình bày lý thuyết mình, ai cũng tưởng họ sẽ mang lại tình thương và hạnh phúc thật sự cho

nhân loại. Nhưng đem ra thực hành một thời gian, vì cái chấp ngã của con người mà lý thuyết ấy trở thành bênh vực cá nhân, bảo vệ bè phái. Nhân loại khổ đau vẫn đầy đầy khổ đau, không vơi chút nào cả. Cho nên, người đạt được lý vô ngã họ không cố gắng, gò bó trong khuôn khổ luân lý đạo đức, mà tự nó phát hiện trọn vẹn đạo đức.

VI- VÔ NGÃ VÀ SỰ TÁI SANH

Có những người cho rằng tái sinh không thể có nếu con người thật vô ngã. Đó là họ nghĩ không có cái gì chịu trách nhiệm về quả báo giữa đời này và đời khác, nếu không có một cái ta thực thụ. Nhưng họ không nhận rõ chủ thuyết vô ngã là không thừa nhận có cái *ta* đồng nhất vĩnh cửu, mà vẫn có thân thức chuyển biến liên tục. Như Phật đã kể câu chuyện này để giải thích sự liên hệ về tái sinh:

“Có người cầm đuốc đi ngang thửa ruộng lúa chín. Một tàn đuốc rơi trên đám lúa, bắt ngùn và cháy lan cả thửa ruộng. Người chủ ruộng tìm người làm rơi tàn đuốc bắt đèn thửa ruộng. Người ấy cãi: Lửa của tôi làm rơi chỉ bằng ngón tay, giờ đây tôi chỉ có thể đèn ông chỗ bị cháy bằng ngón tay thôi. Ngoài ra tôi không biết, vì không phải lửa của tôi làm rớt lúc đầu.”

(Kinh Ưu-bà-tắc Giới)

Qua câu chuyện này, chúng ta thấy lý *không phải một, không phải khác* trong Phật giáo rất rõ ràng. Tàn đuốc bằng ngón tay tách rời ngọn đuốc rơi xuống, tuy nó không còn nguyên vẹn là ngọn lửa của cây đuốc, nhưng ly khai cây đuốc không làm gì có nó. Từ đốm lửa

bằng ngón tay ấy, cháy lan dần khắp thửa ruộng. Đám lửa cháy to đó, không phải nguyên vẹn là đốm lửa bằng ngón tay kia, nhưng ly khai đốm lửa trước, làm gì có đám lửa to này. Như vậy chúng ta không thể nói đốm lửa trước và đám lửa sau này là một, vì trước nó nhỏ bằng ngón tay mà sau này lớn bằng thửa ruộng. Hơn nữa, đốm lửa ấy sanh diệt liên tục, không phải đồng nhất. Tuy nhiên chúng ta không thể nói khác được, vì rời đốm lửa trước, làm gì có đám cháy sau này. Đám lửa cháy to sau này sánh với đốm lửa trước về hình thức đã cách biệt muôn trùng, nhưng nguyên nhân không phải khác.

Cuộc tái sanh của chúng ta cũng thế. Tuy tâm thức hiện tại của chúng ta luôn luôn sanh diệt, nhưng liên tục không mất. Bởi có sự liên tục ấy nên có tái sanh thọ quả báo. Trong dòng liên tục ấy, nó luôn luôn sanh diệt nên không thể nói là đồng nhất. Mặc dù sanh diệt nhưng không thể rời tâm thức trước mà có tâm thức sau. Vì thế, không thể nói đời này và đời sau khác hẳn nhau. Ví như tâm thức của chúng ta lúc hai mươi tuổi sánh với tâm thức lúc bảy mươi tuổi không thể đồng nhất được. Nhưng học hỏi lúc tuổi hai mươi vẫn còn ảnh hưởng đến lúc tuổi bảy mươi, nên không thể nói ly khai nhau được. Những tư tưởng trong lúc tuổi hai mươi đến lúc tuổi bảy mươi, chúng ta vẫn phải chịu trách nhiệm; không thể nói *tư tưởng lúc hai mươi khác tư tưởng lúc bảy mươi* rồi đổ trút trách nhiệm cho kẻ khác. Cho nên, hiện đời do tâm thức xúi bả làm thiện hay làm ác, quả báo đến tâm thức đời sau vẫn phải chịu, không thể đổ trút cho ai được.

Chủ yếu thuyết vô ngã là không thừa nhận có một linh hồn (tự ngã) đồng nhất, bất biến. Vì thừa nhận như thế là trái với chân lý, trái với đạo đức. Nhưng vẫn nhận có tâm thức sanh diệt liên tục theo nghiệp thọ báo, nếu chưa phá ngã cứu cánh. Nhờ có tâm thức sanh diệt liên tục ấy, khiến chúng ta thấy rõ thuyết luân hồi.

VII- PHƯƠNG PHÁP PHÁ NGÃ

Con người đã lâu đời bám chặt vào thân này làm một cái *ta* thực thụ. Hoặc chọn phần tinh thần chấp chặt là *ta*. Hai lối chấp ấy đều do sự lầm mê mà ra cả. Đức Phật chỉ dạy chúng ta phải dùng trí tuệ quán sát trong thân này do ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức hợp thành. Trong ấy, không có cái gì làm chủ thể, chỉ do sự chung hợp mà hình thành. Nếu chấp phần sắc chất là *ta* thì thọ, tưởng, hành, thức là cái gì? Nếu chấp phần thọ nhận khổ, lạc... là *ta*, còn bốn phần khác là cái gì? Những người chấp chặt phần tinh thần là *ta* phải áp dụng pháp quán này để phá. Nếu người chấp thân sắc chất là *ta*, Phật dạy quán thập nhị xứ: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để phá. Nghĩa là xét thân này do sáu giác quan tiếp xúc với trần cảnh mà sinh ra hiểu biết tốt xấu, yêu ghét... Nếu thiếu những điều kiện ấy thì sự hiểu biết không sanh. Như vậy, cái chấp là *ta* là cái gì? Nếu con mắt là *ta* thì mũi, lưỡi, thân là gì... Tóm lại, nói là *ta* đây, chỉ là một hợp thể, không có cái chủ thể nhất định. Vậy *ta* là *vô ngã*. Ví như cái nhà, chúng ta không thể nói cây cột là chủ thể cái nhà cho đến cây đòn dông... cũng không phải là

chủ thể cái nhà. Chúng ta chỉ có thể nói cái nhà là sự chung hợp tất cả cột, đòn dông... mà thành.

Để kết thúc bài này, cần nhắc lại chủ thuyết vô ngã của Phật giáo là làm sáng tỏ sự thật nơi con người. Và phá cái chấp sai lầm truyền kiếp của chúng sanh. Bao nhiêu nỗi đau khổ đều do sự lầm mê ấy mà có. Chúng ta phải sáng suốt dùng trí tuệ quán sát kỹ càng để vén bức màn đen tối từ vô thủy. Những khổ đau không thể tiếp diễn, khi mê mờ bị diệt sạch. Lúc đêm tối, do nhận xét sai lầm, chúng ta thấy sợi dây kều la rần, rồi kinh hoàng sợ hãi. Được ngọn đuốc soi sáng, nhìn kỹ lại, chúng ta mới thấy thật là dây. Khi thấy rõ là dây rồi, chúng ta mới hết cơn khủng khiếp, tâm hồn an tĩnh trở lại.

Dùng trí tuệ quán vô ngã, tức là chúng ta cầm đuốc soi rõ sợi dây. Áo giặc sai lầm tưởng là rắn hay là ngã, liền đó tan biến. Những khổ đau, kinh sợ không còn chỗ nào ẩn náu.



TINH THẦN TỰ DO CỦA PHẬT GIÁO

Nói đến tinh thần tự do của Phật giáo là đề cập đến một vấn đề bao la sâu thẳm, chúng ta chỉ có thể nêu lên đây những quan điểm để nhận thức mà thôi.

“Tất cả nước biển đều thuần một vị, vị mặn, tất cả giáo lý của ta chỉ thuần một vị, vị giải thoát.”

(Lời Phật dạy)

Thế nhân thường mệt mỏi với vấn đề *giải thoát*, bởi nó cao siêu quá. Con người chúng ta đã sẵn bản năng lười biếng, đâm ra ngao ngán hay hoảng sợ trước chân trời bát ngát đầy những kỳ hoa dị thảo. Tuy biết sắc hương hoa cỏ ngạt ngào mỹ lệ, nhưng lại ngại tầm tay mình ngần ngại khó với đến, mắt mình phàm tục khó nhận định khó tận hưởng những nét đẹp linh kỳ!

Nhưng thật ra, với một tinh thần cầu tiến, chắc chắn chúng ta sẽ đi đến bảo thành giải thoát. Khi chúng ta quyết y cứ theo lời chỉ dạy của đức Bổn sư. Biết bao lần

chúng ta chìm nổi trôi giạt, đau khổ trong sáu đường. Kiếp này may mắn được thân người lại có duyên gặp Phật pháp chả lẽ chúng ta lại bỏ qua cơ hội ngàn năm một thuở, để cởi mở gông cùm từ vạn kiếp để cùng đưa nhau đến một chân trời tự do quang đấng mới lạ hay sao?

Vậy tự do của Phật giáo là gì? Là mầm giải thoát là nấc thang đưa lên lầu giải thoát. Phật giáo chú trọng cảnh tỉnh cho chúng sanh tự giác. Nghĩa là đánh lên những hồi chuông thức tỉnh để mọi người biết hồi đầu hồi lỗi, thật tâm kiểm điểm lại bản thân để cải thiện sự sống.

Tất cả những mong cầu quay về cố quán được phát xuất từ đáy lòng chúng ta, chứ không phải vì bị bắt buộc. Cố ép lòng hướng thiện, việc làm ấy chỉ có một giá trị cạn cợt, chưa hẳn đúng theo ý nghĩa tự do. Vì khi nói đến tinh thần tự do là chúng ta đã bước chân lên nấc thang giác ngộ, giải thoát.

Từ cổ chí kim, chúng ta chưa từng thấy Phật giáo bắt buộc ai nhắm mắt tin theo giáo điều của ngài. Tự do đi từng giai đoạn.

I- TỰ DO ĐẾN ĐẠO

Ngày xưa thuở Phật còn tại thế, có những người đến xin quy y, Phật không nhận ngay. Ngài dạy: “Tin ta mà không hiểu ta là bài báng ta.”

Nghe lời giới thiệu mà theo Phật chưa hẳn là một Phật tử chân chánh. Đức Phật hằng dạy cho mỗi người đến với ngài ý thức rằng: hăm mộ ngài không chưa đủ, cần phải có trí tuệ nhận xét hiểu biết ngài rồi sẽ theo ngài.

Phàm khi bước chân vào Phật giáo là phải quy y Tam bảo, đồng thời vâng giữ ngũ giới. Chữ Giới có nghĩa là răn cấm, cũng có nghĩa là giải thoát. Bởi vì giữ được một giới, chúng ta được tự do giải thoát một phần. Vậy giữ giới là vì lợi ích cho chính ta, chứ Phật không có bắt buộc. Nếu vô cớ giết người, hoặc trộm cắp, lang chạ dối trá điêu ngoa, rượu chè be bét, dù đức Phật không cấm ngăn đi nữa, người phạm giới đã tự hạ nhân phẩm mình, bị xã hội rẻ khinh, hoặc ngục tù chờ đợi.

Phương chi, khi mỗi người phát tâm đi đến với đạo là tự do chọn lấy con đường, tùy khả năng, hoàn cảnh của mình mà lãnh thọ giới pháp. Nhưng khi lãnh giới rồi phải bền gan giữ gìn thanh tịnh để cởi mở những sợi dây tội lỗi, đau khổ ràng buộc sau này.

Một hôm, có ông lão Tu-bạt-đà-la thuộc dòng Phạm chí đến hỏi Phật:

- Bạch ngài, lâu nay con đến chúng Ni-kiền Tử, chúng Mạc-già-lê, chúng Tán-nhã-đa v.v... ai ai cũng cho đạo mình là thâm diệu hợp lý. Giờ đây, Thế Tôn cũng nói giáo pháp của ngài là giải thoát an lạc, con còn biết phải theo bên nào?

- Đừng theo ai cả. Ông hãy đem pháp Bát chánh đạo của ta ra so sánh với các giáo phái khác. Và khi nhận xét bên nào có lợi ích thiết thực cho ông, cho mọi người, cùng hợp chân lý, ông hãy theo.

Sau đó, đức Phật đã nhận ông Tu-bạt-đà-la làm người đệ tử cuối cùng.

Đức Phật đã rộng rãi cho chúng ta đem giáo lý Phật so sánh các giáo lý đạo khác. Nhưng, nếu chúng ta chưa hiểu được phần giáo lý căn bản, sự học tập chưa có một nền tảng chắc chắn mà sớm muốn làm việc so sánh thực là một điều vô nghĩa.

Đức Phật đã từng dạy: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.” Đừng tưởng mình là cao cả, đặt mình lên trên mà khinh rẻ hay ganh ghét kẻ khác, hoặc bắt buộc họ làm theo ý kiến mình, làm như thế là thiếu tinh thần tự do.

II- TỰ DO CĂN CỨ TRÊN NHÂN QUẢ

Đức Phật luôn luôn nhắc: “Ta không có quyền ban phước giáng họa cho ai. Ta chỉ là ông thầy đưa đường cho chúng sanh vượt qua tai ách, là vị lương y chữa bệnh đau khổ cho người, nếu chúng sanh chín chắn làm theo lời ta chỉ dẫn.”

Tự tác hoàn tự thọ. Chính con người đã gây đau khổ, gom nhóm đau khổ và cũng chính con người đủ can đảm tự gỡ lấy những đau khổ thâm trọng súc tích trong bao đời trước và đời hiện tại của mình. Muốn được giải thoát, con người phải biết xét đoán hành vi và tư tưởng của mình, đừng trốn tránh trách nhiệm, đừng tìm kiếm lý này lẽ khác để che đậy những việc làm, lời nói lệch lạc, sai quấy của mình. Đừng ngồi ì ra đó, buông lung theo năm dục và đại khờ chờ đợi sự cứu vớt của Phật, của thầy.

Xưa kia, có người vừa tắt thở bị quỷ sứ dắt đến Diêm vương. Diêm vương hỏi:

- Khi còn sống, người không thấy những người đau yếu quanh người để nghĩ đến ngày nay để cải ác tu thiện sao?

- Tâu Diêm chúa, vì tôi ngu mê quá nên không nghĩ đến.

Lần lượt theo lời cật vấn của Diêm vương qua năm tin tức bạc, răng rụng... cho đến chết chóc, chàng ta cũng đều thú nhận, tuy có thấy nhưng vì ngu mê không suy nghĩ đến để cải ác tu thiện... Diêm chúa kết luận: “Vậy tội trạng của người gây nên là chính tại người, không phải do cha mẹ anh em hay quỷ thần nào tạo.”

Vậy tất cả khổ đau tập hợp bao đời dày đặc, do chúng ta lười biếng để nó đâm chồi mọc rễ chứ nào phải tại người khác hay cha mẹ, vợ con, anh em, bè bạn mang đến cho ta đâu?

Chúng ta hãy chịu khó mở mắt ra nhìn, đừng ngu mê như anh chàng kia đến sau rồi hối hận không kịp. Chỉ có sự giác ngộ, sự tu tỉnh mới đem được nguồn an lạc cho ta ngày nay và ngày mai.

Một hôm tôn giả Xá-lợi-phất về cố hương đến viếng thăm bạn thân là ông Phạm chí Đà-nhiên (Dhananjani). Bình nhật ông ta vốn tham lam khắc khổ với tôi tớ, người tá điền. Tôn giả vì muốn cảnh tỉnh bạn, nên đến nhằm lúc ông đang đánh đập những người canh điền.

Đôi mắt hiền lành nhưng sáng suốt uy nghiêm của Tôn giả như khiển trách khiến người bạn dừng tay.

- Sao ông nhẫn tâm hành hạ tá canh như vậy? Ông không sợ tội ư?

Ông Phạm chí ngượng ngập đáp:

- Thưa Tôn giả, Tôn giả đã xuất gia có quyền sợ tội. Riêng tôi, còn cha mẹ, vợ con họ hàng. Tôi phải đóng góp thuế má cho quan. Chẳng hành hạ gắt gao với chúng, chúng lười biếng để người, không làm việc tận lực, làm sao tôi có đủ để đóng góp sưu thuế, nuôi dưỡng cha mẹ vợ con?

- Như có người đi ăn trộm, bị lính bắt điều tra, kẻ trộm lấy cớ vì cha mẹ già nên phải đi ăn trộm để có tiền nuôi dưỡng cha mẹ... Nếu trong trường hợp ấy thử hỏi nhà cầm quyền có tha kẻ trộm ấy chăng?

Câu chuyện trên đây dạy chúng ta ý thức rằng: nên ý thức việc làm chúng ta lành hay dữ, đừng viện cớ này cớ nọ để che đậy tội ác. Chính tự chúng ta tạo lấy ngục thất hay cảnh cực lạc.

Cõi người hưởng phước hơn súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục... Cõi trời vui vẻ gấp nghìn lần cõi người. Chỉ cho chúng ta hiểu biết y báo, chánh báo trong sáu cõi xong, đức Phật để tùy chúng ta chọn lựa bằng cách tạo nhân xấu, tốt của mình. Ngài chỉ chúng ta nhận định con đường luân hồi và giải thoát cách biệt nhau như tối với sáng.

Đừng hiểu rằng sau khi chết, chúng ta mới đến cõi tịnh. Chính ngay lúc hiện tiền này, chúng ta cũng đạt được kết quả an vui giải thoát, nếu tâm ta dứt được những trói cột của ba nhân ác: tham, sân và si.

Có lắm người nóng tánh, tất sợ cảnh tội tù, nhưng họ không sợ lòng sân, khi gặp cảnh trái nghịch là phát sân lên, rồi mặc tình gây tạo tội lỗi. Do đó, tuy không muốn đến khám đường mà rồi không sao tránh khỏi.

Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả. Muốn hết đau khổ, người ta phải lo dứt mầm giống tham lam, giận tức, si mê. Hãy nghĩ đến kết quả của tập nhân mình tạo. Diệt được ba điều ác căn bản rồi, tuy chúng ta còn ăn, còn mặc, còn ở cõi này nhưng tâm tư chúng ta đã tự do cởi mở hết những đau khổ.

III- TỰ DO CĂN CỨ TRÊN TINH THẦN TỰ GIÁC

Mê lầm và giác ngộ như tối và sáng. Chuyển mê lầm là thành giác ngộ. Hết tối tức là sáng. Chúng sanh muốn hết mê lầm được giác ngộ không phải là việc khó khăn hay xa xôi gì. Nghĩa là chúng ta chịu thay đổi quan niệm là thành công.

Có một Phật tử chân thành có thiện chí muốn nhắc nhở khuyên can những sai lầm của huynh đệ để đồng được hoàn hảo. Nhưng người được khuyên can không bằng lòng, tìm chuyện nói xấu lại. Nghe như thế người ấy đâm ra buồn phiền, chán nản hết muốn giảng dứt, can ngăn và lần lần xa chùa, xa bạn... Trái lại, nếu người ấy đổi buồn phiền ra thương xót, gạt bỏ những lời nói xấu kia đi, cứ nghĩ rằng: “Họ cho ta là háo danh giả dối chỉ vì họ không hiểu ta. Ta nên cố gắng làm sao việc làm lời nói đi đôi để họ khỏi hiểu lầm. Vì từ xưa đến nay những bậc hiền nhân quân tử họ nhờ đào luyện trong lò phê bình chỉ trích, mà thành công.” Khi ấy, anh ta

khởi lòng biết ơn kẻ trước kia anh ngỡ là thù... Cố nhiên lúc này trong lòng anh, dưới mắt anh không còn thấy ai là thù nghịch, tâm hồn anh giải thoát nhẹ nhàng.

Cùng trong một trường hợp, một hoàn cảnh, người đặt quan niệm hẹp hòi sai lạc sẽ bị đóng khung trong phạm vi ích kỷ khổ đau. Ngược lại, tâm hồn khoáng đãng giải thoát.

“Xưa kia Mặc Tử ở nước Lỗ sang nước Tề, qua nhà người bạn cũ, vào chơi, người bạn nói chuyện với Mặc Tử rằng: Bây giờ trong thiên hạ ai còn thiết đến việc *nghĩa*, một mình ông tự khổ thân để làm việc *nghĩa*, thì có thắm vào đâu! Chẳng thà thôi đi có hơn không? Mặc Tử nói: Bây giờ có người ở đây nhà mười đứa con, một đứa cày, chín đứa ngồi ăn không, thì đứa cày chẳng nên chăm cày hơn lên ư? Tại sao thế? Tại những đứa con ăn không thì nhiều, đứa con đi cày ít. Bây giờ thiên hạ chẳng ai chịu làm việc *nghĩa* thì ông phải biết khuyên tôi càng làm mới phải, có đâu lại ngăn tôi như thế này!”

(Cổ Học Tinh Hoa)

Đời càng xấu xa dối trá, chúng ta càng có bốn phận nhắc nhở điều hay lẽ phải cho người. Tự mình phải ăn ở xử sự cho ra người đạo lý. Nhất là cần đặt quan niệm chân chánh mới khởi thối tâm lui bước.

Một hôm, trên đường hóa đạo, tổ Tăng Xán gặp ngài Đạo Tín, thuở ấy còn là một Sa-di mới mười ba tuổi. Ngài Đạo Tín đến đánh lễ, bạch Tổ:

- Bạch Hòa thượng, xin Hòa thượng hoan hỷ dạy cho con phương pháp giải thoát.

- Ai trói buộc người?
- Bạch Hòa thượng, không ai trói buộc con cả.
- Đấy ta đã dạy người con đường giải thoát rồi!

Đạo Tín hốt nhiên đại ngộ, thấu hiểu lý nhiệm mầu, thân tâm rộng rang thanh tịnh.

Mê cũng đó, ngộ cũng đó, tự mình cởi mở giải thoát những triền phược cho mình. Không thể cầu cứu nơi ai, nhờ một sức lực nào bên ngoài, mà giải thoát cho ta được. Chỉ tự ta biết chuyển đổi quan niệm sai lầm tức nhiên được giác ngộ giải thoát.

IV- MUỐN TỰ DO TA PHẢI CÓ TRÍ TUỆ

Ngoài lòng tin Phật, chúng ta cần có trí tuệ để tự nhận xét, quyết định lẽ phải chẳng. Không trí tuệ, không thể nào đi đến giải thoát, vì chính ta tự giải thoát cho ta, chứ không phải đức Phật hay tổ hoặc thầy ta giải thoát cho ta được.

Đức Phật trình bày: đây là khổ, kia là lạc, nếu chúng ta không đủ trí tuệ, không nhận thấy những nguyên nhân sâu kín âm thầm tạo đau khổ hay an vui thì chúng ta mãi mãi bị bao phủ trong mê mờ đau khổ. Không biết sợ, không biết tránh trước việc làm xấu, ý nghĩ xấu, làm rồi không biết ăn năn hối lỗi, thử hỏi đã gây nhân ác hại, làm sao tránh khỏi quả khổ đau? Khác chi kẻ khờ *nấu cát muốn thành cơm*, làm sao thành được? Nếu xét thấy hành động và ý nghĩ của chúng ta đốn hèn, bất chính, thì nên biết ngừng ngay tại đó. Chúng ta phải đủ can đảm nhìn thẳng vào lỗi lầm mình

và cố gắng xoay hướng đổi chiều, gầy dựng lại hành vi chân chánh cao đẹp. Việc làm này dứt ác tu thiện đòi hỏi chúng ta phải làm công phu và trải qua thời gian dài dặc. Nhưng nếu chúng ta đã quyết chí thì thời gian và việc khó sẽ trở thành vô nghĩa.

V- MUỐN TỰ DO PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM

Trí tuệ thế gian thường gây đau khổ, trí tuệ xuất thế gian mới đem người đến chỗ giải thoát an vui. Không thắng được mình, đừng mong được sự tự do an lạc. Muốn có tinh thần tự do, chúng ta phải có tinh thần trách nhiệm. Mình dám gây tội lỗi, mình phải có gan chịu đựng khổ đau, đừng đổ cho kẻ này người khác. Đức Phật đối với chúng ta chỉ là ông thầy dẫn đường, chứ không phải là đấng thần linh.

Một hôm, có người Bà-la-môn đến hỏi Phật:

- Nay Sa-môn Cù-đàm, đệ tử ngài rất đông chẳng biết cả thấy đều đạt được Niết-bàn chăng?

- Có một số đạt được, một số chưa đạt được.

- Tại sao chỉ một mình Sa-môn Cù-đàm dạy, cùng hấp thụ một nền giáo lý như nhau, mà kẻ đạt được Niết-bàn, người không đạt được?

- Nay ông, ông biết thành Vương Xá không?

- Thưa Ngài, tôi biết.

- Nếu có người đến hỏi ông con đường nào đi đến thành Vương Xá, chắc ông sẽ trả lời: theo con đường thẳng này xuyên qua đám rừng già, đến ngã ba rẽ qua

bên phải, đi thẳng theo con đường ấy sẽ đến khu vườn hoa đẹp, khỏi vườn hoa ấy là tới thành Vương Xá... Người ấy đi đúng theo lời chỉ dẫn của ông, vậy họ đến thành Vương Xá không?

- Thưa Ngài đến.

- Lại có người thứ hai cũng hỏi đường đến thành Vương Xá. Ông cũng chỉ dẫn đúng như người trước. Nhưng người thứ hai này đi đến ngã ba lại quẹo sang trái, và cứ lầm lũi như thế mà đi, vậy người thứ hai này có đi đến thành Vương Xá chăng?

- Thưa Ngài, hẳn đã đi sai lời tôi chỉ dạy làm sao đến được thành Vương Xá?

- Cũng một ông chỉ đường mà có kẻ đi đến thành Vương Xá, có người không đến thành Vương Xá là tại sao?

- Tại có người đi đúng, có người đi không đúng.

- Cũng như vậy, tôi chỉ dạy rành rõ lối đi đến Niết-bàn mà đệ tử tôi có kẻ thực hành đúng, người thực hành không đúng mới có sai biệt như vậy. Nhưng lỗi ấy không phải tại tôi.

Khi có đủ duyên lành được nghe lời chỉ dạy của đức Phật, chúng ta phải tự nhận hiểu rồi cố gắng tu tập. Đừng bao giờ chúng ta ỷ lại vào đức Phật, chỉ mong cầu sự độ rỗi của ngài mà không tự lực tiến tu. Đức Phật chỉ có trách nhiệm chỉ dạy, hướng dẫn sự tu hành và tiến đạo là ở chúng ta. Đức Phật đã dành cho ta một trời tự do: tự do chọn lựa, tự do tu tập, tự do vươn lên. Ngài không hạn chế, không bắt buộc chúng ta vào một phạm vi, một quyền lực hay một cấp bậc nào cả.

Nếu làm được việc tốt, mà không do thân tâm mình chân thành tạo nên, do sự bắt buộc hay một áp lực nào thúc đẩy, thì được khen hoặc bị chê không phải là công hay tội của ta. Mọi hành vi nên, hư, ta đều chịu trách nhiệm, đừng đổ trút cho ai. Tự mình phải ý thức được khả năng của mình, để rồi chọn lấy một hướng đi cho thích hợp. Lên hay xuống, thất bại hay thành công, trầm luân hay giải thoát đều do ta quyết định.

Dứt sạch mê mờ, gỡ hết những mối dây hệ lụy, người ấy mới thực sự tự do an lạc. Mọi nhọc nhằn đau khổ đâu còn bám víu vào con người ta được. Được thế, mới đúng tinh thần tự do của Phật giáo



VẤN ĐỀ THEN CHỐT CỦA NGƯỜI TU PHẬT

Ngày xưa, thuở đức Phật còn tại thế, trong hàng đệ tử xuất gia của Phật có ngài Châu-lợi-bàn-đặc (Suddhipanthaka) căn cơ ám độn, học trước quên sau. Được dự vào hàng xuất gia đã lâu, những bạn đồng môn hầu hết đều ngộ đạo chứng quả, riêng ngài không nhớ được một câu kinh bài kệ nào. Bực quá, người anh ngài quả trách:

- Nay Châu-lợi! Tu mà không hiểu giáo lý, không thấy đạo, tốt hơn nên trở về nhà phụng sự gia đình còn hơn, ở mãi trong này mà xuẩn dốt quá vô ích.

Tủi thân, ngài đứng dựa tinh xá khóc. Lúc ấy đức Phật trong tinh xá đi ra, thấy vậy dừng bước hỏi thăm: “Tại sao Châu-lợi khóc?” Ngài buồn bã đáp:

- Bạch Thế Tôn! Anh con thấy con ngu mê tâm tối không kham nổi sự tu học nên người đuổi con về nhà...

Đức Phật cầm tay Châu-lợi dẫn vào tinh xá ôn tồn dạy: “Nếu con có thiện chí tu hành, ta sẽ dạy cho phương pháp tu, chỉ cần nhớ hai chữ thôi. Này Châu-lợi! Con hãy lắng nghe và nhớ kỹ hai chữ *Tảo tuệ* này”.

Châu-lợi mừng quá, đánh lễ Phật lãnh lời chỉ giáo. Nhưng tội nghiệp! Ngài học được chữ Tảo thì quên chữ Tuệ, hoặc ngược lại. Cứ thế, từ sớm đến chiều như trò chơi cút bắt, nhớ chữ này lại quên chữ kia. Nhưng, một lòng không nhàm mỏi, ngài bỏ ăn quên ngủ, cố sức dụng tâm ghi nhớ, mãi đến ba bốn hôm mới thuộc được trọn vẹn hai chữ.

Khi thuộc được hai chữ tảo tuệ rồi, Châu-lợi lại ngẩn ngơ không hiểu tại sao đức Phật lại dạy ngài hai chữ ấy, có tác dụng và nghĩa lý gì? Ngài hối hả đi tìm Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay con đã nằm lòng hai chữ tảo tuệ, nhưng bạch Ngài! Xin Ngài hoan hỷ chỉ dạy con nghĩa lý của hai chữ ấy...

Đức Phật cười hiền hòa dạy:

- Tốt lắm! Này Châu-lợi, tuệ là chổi, tảo là quét. Con hãy dùng chổi trí tuệ quét sạch phiền não nơi tự tâm đi!

Bắt đầu từ ngày này, Châu-lợi chăm chăm làm theo lời Phật dạy. Chín chắn quán xét tự tâm, gạn lọc những phiền não cấu uế, tẩy trừ những ý niệm xấu xa gìn giữ tâm hồn thanh tịnh. Như thế, sau sáu bảy hôm ngài chợt thấy lòng rộng rang thanh thoát, mọi sự vật đều hiện bày sáng tỏ. Mừng quá, ngài lại đi tìm Phật:

- Bạch Thế tôn! Giờ con đã biết dùng trí tuệ, quét sạch phiền não.

Phật mỉm cười khen ngợi:

- Đúng thế, con đã trừ nơ, con đã giác ngộ.

Giáo lý đạo Phật mênh mông như biển cả, thăm thẳm như rừng sâu, nếu chúng ta không tìm được chỗ then chốt thì sự tu hành khó bề đạt đạo. Ngài Châu-lợi-bàn-đặc tuy căn cơ ám độn, nhưng nhờ Phật chỉ bày chỗ căn bản ấy và nhờ sự bền chí nên ngài dụng công không bao lâu đắc đạo.

Mỗi buổi sáng, cầm chổi quét nhà, tống rác rến ra ngoài sân, cầm chiếc khăn lau sạch bụi bặm bám mờ gương tử, chúng ta không quên dùng trí tuệ quét sạch phiền não ô ố trong tâm. Có dẹp sạch phiền não ở nội tâm, chúng ta mới mong thấy được đạo, chúng được thánh quả.

Chính giáo lý căn bản ấy được cô đọng trong bài kệ sau:

Chẳng làm các điều ác

Vâng làm các việc lành

Giữ tâm ý trong sạch

Ấy lời chư Phật dạy.

Hai câu trên của bài kệ cốt dạy chúng ta dứt ác, làm thiện. Đứng trên bình diện xã hội, tự chúng ta phải chặn đứng những điều xấu ác của mình, sau đó cứu giúp nâng đỡ mọi người. Nhưng dứt được ác hay làm được lành

chủ động do tâm điều khiển. Cho nên giữ gìn tâm ý trong sạch mới là cội nguồn của sự tu tập.

Tuy nhiên, nói đến thiện ác đa số người sẽ nghi ngờ làm sao biết thế nào là thiện, thế nào là ác? Khi đó ở trong xã hội có những việc ngày xưa cho là tốt mà ngày nay lại nói là xấu, ngày xưa cho là phải, ngày nay cho là quấy; hoặc nó phải ở xứ này mà không phải ở xứ khác. Thí dụ: Ngày xưa người phụ nữ *khuê môn bất xuất* là tốt, hiện nay người phụ nữ ra đảm đang mọi việc ngoài xã hội như thanh niên là hay. Ở xứ này muốn tỏ ra người con có hiếu, khi cha mẹ trăm tuổi lo chôn cất kỹ càng mồ mả chắc chắn. Ở xứ khác lại đem thi thể cha mẹ thiêu đốt, hoặc bỏ trong rừng, vớt xuống sông là hiếu... Vậy lấy đâu định được tiêu chuẩn thiện ác? Trong nhà Phật giải thích điều đó rõ ràng lắm. Phạm làm việc gì có lợi cho người, cho mình hiện tại và vị lai, ấy là thiện. Ngược lại là ác. Hoặc làm việc theo chiều mê vọng là ác, làm việc theo chiều giác ngộ là thiện.

Qua hai tiêu chuẩn lợi hại và mê ngộ ấy, chúng ta biết thế nào là việc thiện và việc ác rồi. Tuy vậy, muốn cho mình dứt ác tu thiện, chúng ta phải luôn luôn kiểm soát hành động, ngôn ngữ và ý niệm của chúng ta. Bởi vì lơ lửng một chút, chúng ta có thể tạo nên tội lỗi tà trời, hoặc làm trò cười cho thiên hạ. Như câu chuyện này:

Ngày xưa có hai anh em ở láng giềng hay bàn việc người. Một hôm, hai anh gặp nhau. Anh A nói: “Anh X trong xóm mình có nhiều tánh tốt, nhưng có cái dở là anh hay nóng nảy và làm việc hấp tấp.” Bất chợt anh X

vừa đi ngang, lỏm nghe câu chuyện. Anh nổi giận âm âm, xốc đến đánh anh A một bạt tai tóe lửa kéo bừa ra ngoài, quát: Tao nóng nảy hồi nào? Hấp tấp bao giờ?

Ấy thế một khi không kiểm soát được ba nghiệp của mình, chúng ta sẽ có những cử chỉ, những hành động mâu thuẫn và ngây ngô như anh chàng kia vậy.

Do đó, đức Phật thường dạy: Phật tử khi đi phải biết mình đi, khi nói phải biết mình nói, khi nghĩ phải biết mình nghĩ. Ý thức mọi hành động của mình mới tiến tu đạo nghiệp được. Chúng ta không nên làm việc theo bản năng mà phải theo lý trí. Có lý trí chúng ta mới ngự trị, kìm hãm được những điều xấu ẩn náu trong con người chúng ta và nó sẽ xuất hiện bất cứ lúc nào qua ngôn ngữ và hành động của chúng ta.

Để thành công trong việc tu tập này, phải trải qua thời gian rất lâu xa, không phải một sớm một chiều mà được. Nếu người tu tập mà muốn thành công chóng gấp, ấy cũng là một thái độ đại khờ. Chẳng khác nào ông vua trong câu chuyện này:

Ngày xưa, có ông vua đã lớn tuổi mà không con trai, ông khát khao mong mỏi được một đứa con kế vị. Sau đó, hoàng hậu sanh được một hoàng nam. Vua muốn hoàng tử trưởng thành ngay trong thời gian rất ngắn, nên treo bảng cầu thầy, dạy phương thuốc *chóng lớn*.

Một hôm, có vị đạo sĩ đến nhận gỡ bảng. Binh sĩ gác bảng dẫn ông đến yết kiến nhà vua. Vua hỏi: Tiên sinh thật có thứ thuốc chóng lớn chẳng? Đạo sĩ tâu:

Bần sĩ biết thứ thuốc chóng lớn tức khắc, nhưng rất khó tìm. Nếu đại vương bằng lòng cho bần sĩ lãnh hoàng tử về nuôi một chỗ, khi nào bần sĩ tìm được thuốc tiên đem về cho hoàng tử uống xong, sẽ dẫn ra yết kiến đại vương. Vua bằng lòng.

Sau mười hai năm tròn, Đạo sĩ dẫn hoàng tử đến yết kiến nhà vua. Vua cả mừng khen ngợi nức nở: “Chà! Thuốc tiên rất thần hiệu. Khi ta trao hoàng tử cho đạo sĩ thì hoàng tử nhỏ bé nằm cựa quậy trong nôi, nhờ uống thuốc tiên mà hoàng tử đã trở thành cậu bé ngoan ngoãn, kháu khỉnh, thật là thuốc tiên hiệu nghiệm như thần”.

Muốn con chóng lớn mà không chịu chờ đợi thời gian lâu, chỉ đòi trong tức khắc, thật là người quá ám độn. Cũng như thế, muốn đạt được đạo quả, mà không nhẫn nại tu tập thời gian lâu dài. Đòi chứng trong một chiều một sớm, thật là người chưa hiểu đạo lý.

Điều cần thiết của người Phật tử phải siêng lo quán xét tự tâm, diệt trừ phiền não. Lo chạy tìm kiếm bên ngoài, chúng ta càng xa đạo. “Viên bảo châu như ý” đã nằm sẵn trong lai áo, chúng ta chỉ có mỗi một việc chịu khó nhận ra nó để dùng.

Đức Phật chỉ vẽ đường lối cho chúng ta, chịu đi hay không tự tâm ta chủ động điều khiển cặp chân trên lộ trình tiến đến hạnh phúc.

Ánh đuốc đã thắp sẵn mà mắt chúng ta không chịu mở, cửa đã mở rồi mà chân chúng ta chưa muốn bước vào!

Mãi lo phiền trách kẻ khác, gièm chê lầm lỗi của người, tâm hồn chúng ta càng ngày càng héo sâu căn cỗi. Càng phan phui tìm kiếm lỗi người thì lòng chúng ta dễ sanh nóng giận phiền não và đau khổ càng dồn dập, chất chứa đầy đầy. Ấy chẳng qua chỉ vì mình thu hẹp tình thương, thích tìm tòi, ghi nhớ những xấu xa lầm lỗi của người. Chúng ta muốn thực hiện điều lành, muốn tiến đến hạnh phúc, phải biết trừ bỏ tâm tật đố, ngã mạn, cố chấp...

Chẳng vậy, càng đi chùa chúng ta càng tạo nghiệp xấu, càng muốn giải thoát, an vui lại càng bị ràng buộc não phiền. Như anh chàng bán nước sâm ngày xưa:

Một hôm có khách quý đến nhà, anh ta muốn đãi khách một chén nước sâm mát. Hiềm vì thấy nước nóng quá, anh lấy quạt quạt, định bụng giúp cho nó chóng nguội. Khốn nỗi, vì lính quýnh, anh đã quên nhắc nồi nước sâm xuống, mà vẫn để nguyên vịn trên lò lửa đỏ. Do đó, anh chàng càng cố công quạt, lửa càng hừng, nước càng nóng. Càng cố công chẳng những đem lại kết quả vô ích, mà còn tăng trưởng điều trái ý muốn của mình.

Cũng thế, muốn an vui, chúng ta phải biết tự xét lỗi mình. Mình đau khổ chỉ vì mình không chịu nhìn kỹ chính mình. Đã không nhìn kỹ lại mình thì làm sao mình chịu tẩy trừ vết hư tật xấu?

Động cơ chính yếu của sự tu hành là gạn lọc tự tâm, hay ngự trị tự tâm. Thế mà, có người cả đời không khi nào chịu khó quán xét tự tâm, cứ để nó mặc tình

buông lung phóng túng gây tạo trăm ngàn tội ác, để sau này vì nó phải luân chuyển trong tam đồ ác đạo. Như ông trưởng giả xưa kia:

Ngày xưa có ông trưởng giả có đến bốn bà vợ.

Bà vợ chánh xinh đẹp dịu dàng, ông yêu quý chăm sóc không rời một phút giây. Bà vừa đói, ông đã dành sẵn thức ăn. Y trang vừa cũ đã có lớp mới thay thế. Nào hương xông xạ ướp, nào trang điểm châu báu ngọc ngà, hao tốn cực nhọc bao nhiêu ông cũng không nệ.

Bà thứ hai thì sắc sảo điêu ngoa, khiến ông luôn luôn lo sợ bà sẽ trốn bỏ ông. Ông xây trái, ngó mặt nơm nớp nhắc nhở ngó chừng, chỉ sợ bà trốn mất. Ông lo bảo vệ gìn giữ từ giờ thức đến giấc ngủ.

Bà thứ ba thì lịch thiệp đơn đả. Khi có việc vui buồn thì ông đem kể lể cho nghe để chia sẻ với ông.

Bà thứ tư thì ông lơ là không mấy khi để ý đến. Bà có ở hay đi ông cũng không cần biết tới.

Một hôm bệnh ngặt biết mình sắp chết, ông gọi bà vợ chánh đến yêu cầu: “Trọn đời ta yêu dấu chăm nom nàng hết dạ. Giờ đây ta sắp chết, nàng hãy sửa soạn cùng chết với ta!”

- Đâu được! Ông là ông mà tôi là tôi. Mỗi người chúng ta đi mỗi ngã, tại sao ông bảo tôi phải theo ông?

Ông lại gọi bà thứ hai. Bà này chua ngoa bạc bẽo ra mặt:

- Ông vì tham dục sợ mất tôi nên chăm nom gìn giữ, chứ nào phải ân tình gì mà đem ra kể lể?

Đến bà thứ ba, xem chừng bà cũng cảm động trước giờ ly biệt. Nhưng bà cũng khéo léo khước từ:

- Kể ra từ hồi nào đến giờ chúng ta đã cùng chia sẻ vui buồn. Ông tốt với tôi lắm. Nhưng thật ra ông chết, tôi chỉ đưa ông đến mộ là cùng, chứ làm sao chết theo ông được?

- Ông thất vọng chán nản, nhưng cũng muộn rồi! Ông vừa xây qua bà thứ tư, như đã sắp đặt tự bao giờ, bà này sẵn sàng chịu chết theo ông, trong khi ông chưa kịp ngỏ lời!

Ông Trưởng giả trong câu chuyện này là thí dụ chúng ta. Bà vợ thứ nhất dụ sắc thân này. Lúc còn mạnh khỏe không phút giây nào chúng ta quên nó. Nhưng khi chết thì nó ly khai ta. Bà vợ thứ hai dụ tiền của sự nghiệp. Bình nhật, chúng ta lo gìn giữ bảo thủ nó, đến lúc chết ta không mang theo được gì cả. Bà vợ thứ ba dụ gia quyến thân tộc. Lúc sống có việc vui buồn cùng tâm sự san sốt nhau. Khi chết thân tộc chỉ đưa tiễn đến mộ là cùng. Bà vợ thứ tư dụ tâm ý chúng ta. Bình thường chúng ta hững hờ quên nó, nhưng khi chết nó lại trung thành theo ta.

Thường nhật chúng ta không mấy khi chịu quán xét tâm ý mình, để mặc tình nó tung hoành, sai lạc xấu xa. Nó ẩn tàng, lén lút bỏ ta đi tận đâu đâu... chúng ta đã quên mất nó, bỏ bê nó, không ngó ngàng để ý đến nó,

nhưng khổ thay chính nó là cội gốc! Khi sống nó âm thầm chi phối đời ta đến ngày ta chết nó trung thành chịu mọi khổ vui mà ta đã gây tạo.

Đã lâu rồi, viên ngọc như ý nằm im trong lớp áo trần lao, chúng ta chỉ cần có thức tỉnh mở mắt nhìn nó và chịu khó lau chùi bụi bặm thì sẽ thấy nó hiện ánh sáng huyền diệu lung linh...

Chỉ biết lo hưởng ngoại, che dấu lỗi lầm tội ác của mình bằng mọi phương cách, không can đảm hồi quang phản tỉnh thì càng đi chùa càng tụng kinh, tội nghiệp lại càng sâu dày!

Người Phật tử nên chân thành tự xét lỗi mình, phải tế nhị gạt lọc phiền não ở nội tâm, thực hành đúng hai chữ *tảo tuệ* của đức Phật đã dạy ngài Châu-lợi-bàn-đặc, chắc chắn không bao lâu viên ngọc hạnh phúc sẽ cầm được trong tay.

Tuy sống giữa lớp sóng đời sôi động, nhưng tâm hồn chúng ta sáng sủa, trầm lặng thì phiền não bụi hồng đâu còn thao túng hoành hành làm chủ được ta?



MỘT VÀI QUAN NIỆM CỦA PHẬT TỬ

Đã là Phật tử, chúng ta phải có những tư tưởng, những hành động xứng đáng là Phật tử. Nhất là phần tư tưởng. Người có những nhận xét sai lầm, những quan niệm lệch lạc dễ khiến đời họ đắm chìm trong khổ đau đen tối. Vì vậy, chúng ta phải thận trọng khi đặt một quan niệm. Hay đúng hơn, chúng ta phải luôn luôn dùng lý trí kiểm soát tư tưởng của chúng ta. Tình cảm lúc nào cũng chực phủ che lý trí, chúng ta phải chiến thắng, khắc phục được nó. Có thế, chúng ta mới mong đạt được quan niệm chân chánh. Cho nên, điều kiện trước nhất chúng ta phải tự khắc phục mình.

I- KHẮC PHỤC MÌNH

Phật giáo là nền giáo lý nội quan, luôn luôn hướng về chinh phục nội tâm. Thắng người, nhiếp phục ngoại cảnh mà quên mình, ấy là làm việc ngọn ngành. Điều căn bản là trước mình phải biết mình, nhiếp phục mình,

nhiên hậu chinh phục người và ngoại cảnh. Nói khắc phục mình tức là việc làm hằng ngày của Phật tử, vì có một Phật tử nào có thể lãng quên sự phản quán chinh phục nội tâm? Tuy nhiên trong khi khắc phục mình chúng ta phải nhắm vào những điều căn bản cần kíp. Điều cần kíp nhất, chúng ta phải đuổi ba tánh: tham lam, nóng nảy và dụ dự ra khỏi con người chúng ta. Đồng thời chúng ta phải gây dựng cho mình đủ ba tánh: không tham, nhẫn nại và dứt khoát.

Trong thời pháp nhược ma cường này, Phật tử chúng ta khó tránh khỏi những sự dọa nạt, khiêu khích, dỗ dành. Nếu trong người chúng ta còn mang tánh nghi ngờ dụ dự, khi bị ma vương dọa nạt làm gì không thối bước trên con đường đạo đức. Nếu Phật tử mà nóng nảy bông bột thì không sao khỏi bị chúng ma lừa gạt bằng những cử chỉ khiêu khích, rồi phải dẫm chân vào cạm bẫy của chúng. Nếu Phật tử mà lòng yếu mềm vì danh lợi, tài sắc thì không sao khỏi bị chúng dỗ dành, rồi phải bị cuốn lôi vào hố trụy lạc.

Vì thế, Phật tử chúng ta quyết định phải có đủ ba đức tính cần thiết: không tham, nhẫn nại, dứt khoát. Dù sấm sét trước mắt, dù thấy mọi hành động khiêu khích, dù đem danh lợi, tài sắc dỗ dành, ta vẫn thản nhiên không màng, chẳng động. Đem đức Phật thành đạo đã nêu bày rất đầy đủ ý nghĩa này:

Đêm ấy, trước tiên bọn quỷ hung bạo đến hăm he dọa dẫm, chúng dùng tà thuật làm chuyển động cả trời đất, những tiếng hú rợn người nổi lên từng chập, đức Thích-ca vẫn an nhiên bất động. Kế đến bọn quỷ

ngạo mạn lại khiêu khích châm biếm với vẻ mặt vênh váo khó thương, ngài vẫn lặng lẽ như không. Sau cùng, bọn ma vương đến dùng mọi hình thức quyến rũ, nào là hứa hẹn những ngai vàng của báu, nào hiến dâng mỹ nữ tuyệt vời, ngài cũng vẫn thản nhiên không xao động.

Đức Phật thắng phục được bọn ma vương một cách dễ dàng, vì ngài đã khắc phục được nội tâm, mọi sắc trần không còn làm quấy động được tâm hồn ngài nữa. Chúng ta là những đứa con chân thành hướng theo những bước đi của ngài, dĩ nhiên chúng ta phải trung thực noi theo, đừng sai lối. Chúng ta phải cương quyết tận dụng hết khả năng để khắc phục mình. “Thắng một ngàn quân không bằng tự thắng mình, thắng mình mới là một chiến công oanh liệt.” (Kinh Pháp Cú)

II- XEM NGƯỜI HẠI TA LÀ BẠN TA

“Trước con mắt đạo đức không có kẻ thù, cũng như trước ánh đèn pha không có bóng tối.” Phật hằng dạy Phật tử: “Dù thân thuộc mình bị người giết hại cũng không có tâm niệm trả thù, đem oán hận trả thù oán hận là điều không hợp chánh pháp.” Đã không có tâm niệm trả thù thì làm gì thấy có kẻ thù.

Chẳng những Phật tử không thấy có kẻ thù, mà nếu ai tự đặt họ là kẻ thù của chúng ta, chúng ta vẫn coi họ là bạn. Bởi vì, nếu xác nhận họ là thù, đã nói lên ta là người phi đạo đức. Có thù là có ý muốn hại nhau, có ý hại người là kẻ ác, không phải là người thiện. Phật giáo dạy chúng ta lấy đạo đức làm cứu cánh, dù việc làm có lợi ích cho đạo, cho đoàn thể mà thương tổn đạo đức,

nhất định không làm. Trong kinh Ưu-bà-tắc Phật dạy: “Bồ-tát có khi vì lợi ích chúng sanh mà phạm giới nhưng khi phạm giới, Bồ-tát tự nhận mình làm tội, không phải chánh pháp dạy như thế.” Làm tổn thương người mà lợi cho đạo, nhất định không phải Phật giáo. Vì thế, Phật tử không bao giờ có ý nghĩ đến kẻ thù, luôn luôn xem mọi người là bạn. Mặc dù người ấy đã nhiều phen làm ta điêu đứng, nhưng với tinh thần Phật tử chúng ta vẫn thấy họ là bạn.

Đức Phật thuật lại cho chúng ta biết, Đề-bà-đạt-đa đã nhiều đời hại ngài. Nhưng, đến sau cùng ngài bảo: “Đề-bà-đạt-đa là thiện hữu tri thức bậc nhất của ta.” Nhẫn Nhục tiên nhân đâu không nhờ vua Cát-lợi cắt tai, xẻo mũi mà thành tựu pháp sanh nhẫn. Thái tử Tu-đại-noa đâu không nhờ người Bà-la-môn xin con mà thành tựu pháp bố thí ba-la-mật. Người tu hành tiến được nhờ hai phương diện: thuận duyên, nghịch cảnh. Thuận duyên là sự khuyến khích, giúp đỡ theo nhu cầu của chúng ta. Nhưng nếu toàn thuận duyên không, trên đường đạo tiến rất chậm chạp, phải nhờ nghịch duyên thúc đẩy sự tu tiến mới nhanh. Chúng ta đặt quan niệm chân chánh như vậy, mọi trở ngại đối với chúng ta không còn trở ngại nữa, là trợ duyên tốt cho ta tiến đạo.

Dù kẻ ác đến thế nào cũng còn đôi chút lương tri, chúng ta tin tưởng như thế, cố gắng tìm cách cảnh tỉnh họ. Nếu họ thay đổi được tâm niệm xấu ác, thật là một điều may mắn biết mấy. Bằng họ không thay đổi, chúng ta vẫn xem họ là ân nhân của chúng ta. Vì họ đã chịu hy sinh để đưa chúng ta lên nấc thang chót vót của đạo đức.

III- SỐNG THẬT THEO GIÁO LÝ CỦA PHẬT DẠY

Giá trị chân thật của đạo Phật không phải ở lý thuyết, mà tại thực hành. Phật giáo rất cao, nếu chúng ta không thực hành đúng theo thì cái cao ấy cũng vô ích. Thời đại này đa số quần chúng chạy đua theo tranh luận, miễn ai già mồm lẻo mép thì thắng, một số đông Phật tử đang sa vào đường này. Chúng ta hãy trở lại nếp sống chân thực Phật giáo *ngôn hạnh tương ưng*; lời nói việc làm phải phù hợp nhau, đừng bao giờ *nói một đằng làm một ngã*. So sánh từ bi, bác ái cao thấp làm gì, khi đồng bào ta đang thốn thức lo âu, đang bị chiến tranh phá hoại, đang thiếu nhà ở cơm ăn, đang sống nương tạm bên lề đường, xó chợ. Chúng ta phải làm sống dậy đức từ bi để mọi người cùng được an vui, có hơn cùng tranh cãi nhau chẳng? Chúng ta càng chạy theo lý thuyết càng gieo nghi ngờ cho nhiều người, khiến họ mất lòng tin vào khả năng cứu khổ của Phật giáo.

Chính đức Phật không bằng lòng những lý luận vu vơ, ngài dạy phải nhìn thẳng vào thực tế, bài kinh Tiền Dự trong kinh Trung A-hàm đã nói rõ điều này. Kinh Phật đã từng thí dụ người nghiêng về lý thuyết không chịu thực hành cũng như kẻ đếm của báu cho người, tuy miệng đếm cả ngày, rốt cuộc nơi mình túi không bụng trống. Người Phật tử tại gia dù có lý thuyết hay thế mấy, nếu nhìn vào cách cư xử trong gia đình, cách đối đãi với hàng xóm không ra gì thì lý thuyết ấy cũng vô nghĩa. Một vị tu sĩ dù nói đạo lý cao đến đâu, mà nhìn hành động cử chỉ lơ đãng thì người ta coi như anh sơn đông chẳng khác. Phật tử chúng ta không phải

con người quảng cáo, cần sống đúng lời Phật dạy, hành đúng danh nghĩa của mình mang.

Tuy nhiên, lý thuyết hướng dẫn thực hành. Khi miệng ta nói từ bi, hành động ta phải không làm thương tổn người, mà thường giúp người được an vui. Khi ta khuyên người tập nhẫn nhục, nếu bị người đánh chửi, ít ra ta cũng đừng sân. Khi ta đề xướng đức hỷ xả, nếu có người xúc phạm đến ta, dù việc khó tha thứ thế mấy, ta cũng phải bỏ qua. Có như vậy, lý thuyết ta nói mới có giá trị.

Những quan niệm thô sơ trên đây, thiết tưởng rất cần yếu đối với người Phật tử chân chính. Chúng ta được thừa hưởng một gia bảo khổng lồ của đức Như Lai thì chúng ta phải cố gắng bảo vệ nó bằng cách giữ đúng giá trị, qua hành động ngôn ngữ của chúng ta. Chúng ta không phải là người học Phật, mà là người tu Phật. Giáo lý Phật dạy là chiếc bè đưa ta qua biển khổ. Khi cần qua biển, chúng ta phải nương chiếc bè ấy, nhưng khi đến bờ là phải ly khai chiếc bè. Nếu chúng ta cứ bận bịu với chiếc bè thì không sao đến bờ kia an ổn. Đem giáo lý áp dụng vào sự sống hằng ngày của chúng ta, lấy nó làm nhựa sống, làm kim chỉ nam để cuộc đời chúng ta khỏi lạc hướng.



TÙY HỸ CÔNG ĐỨC

“Phật dạy: thấy người làm việc đạo đức, vui vẻ trợ giúp được phước rất lớn. Sa-môn hỏi: Phước của người kia có hết chăng? Phật đáp: Ví như lửa một cây đuốc, mấy trăm ngàn người mỗi người cầm đuốc đến môi, đem về thắp sáng, nấu cơm... ngọn lửa cây đuốc này vẫn như cũ. Phước cũng như thế.”

(Kinh Tứ Thập Nhị Chương, bài thứ mười)

Người xuất của ra công làm việc đạo đức dĩ nhiên phước đức to lớn. Nhưng người chỉ phát tâm tùy hỷ trợ giúp làm sao phước đức bì được người kia? Thế mà ở đây đức Phật nói phước đức ngang nhau. Điều này khiến chúng ta phải để tâm suy xét.

Hầu hết chúng ta, ai ai cũng mang sẵn trong mình những tính xấu: ngã mạn, tự cao, tật đố, tham lợi... bởi có những tính xấu ấy, nên khi thấy ai làm điều tốt, hay thì

chúng ta có phản ứng ngay. Cái phản ứng phá hoại, khinh miệt, gièm siểm để thỏa mãn tính tự cao, tật đố, tham lợi... của mình.

Ở gia đình, cha mẹ tỏ vẻ thương đứa con nào nhiều thì đứa khác sanh ganh tỵ, bất bình. Tình cốt nhục có thể do đó trở thành phai nhạt. Quá lắm sẽ chia ly. Hoặc anh em mà kẻ giàu, người nghèo là cái cơ khiến tình cật ruột xa nhau. Trong lớp học một cậu học trò được thầy giáo khen thưởng, thì cậu ấy chắc chắn sẽ bị các trò khác tìm cách nói xấu, hoặc hại bằng cách này hay cách khác. Hai bạn học thân nhau, nếu một người thi đậu một người thi rớt thì tình bạn bè sẽ lợt lạt ngay từ đó. Ngoài xã hội, kẻ xấu giết người tốt, kẻ nghèo chống người giàu. Đó là động cơ thúc đẩy giai cấp đấu tranh, rồi gây nên cảnh núi xương sông máu trong nhân loại. Cho nên tục ngữ ta có câu:

Vô duyên ghét kẻ có duyên

Không tiền ghét kẻ có tiền cầm tay.

Làm sao hàn gắn được những vết thương chia rẽ trầm trọng ấy? Nếu phi thực hiện *tùy hỷ công đức* không còn phương pháp nào hiệu nghiệm. Bao giờ mỗi con người chúng ta đều tập được hạnh tùy hỷ công đức thì nhân loại mới có ngày an vui hạnh phúc và ngọn lửa đấu tranh mới lịm tắt được.

Thế nào là tùy hỷ công đức? Tùy hỷ là vui theo, công đức là những điều lành, điều tốt, điều vui vẻ, hạnh phúc. Nghĩa là thấy ai có cái gì tốt, cái gì lành, cái gì

hạnh phúc, chúng ta đều hoan hỷ phát tâm vui mừng như chính mình được và cố công giúp đỡ khiến họ được toàn vẹn. Hoặc thấy họ làm điều phước thiện, đạo đức, chúng ta sẵn sàng ùa vào trợ giúp với một niềm hân hoan vô hạn. Vui cái vui của người, mừng thấy cái tốt của người. Cho đến không còn thấy họ là đối tượng khác biệt. Sự vui mừng ấy phá tan được cái cách biệt giữa ta và người. Chân thành hòa đồng trong tâm niệm hạnh phúc.

Người phát tâm làm việc bố thí, chính họ đã khởi lòng từ bi và dứt tính bợn xén, nếu họ không vì hoàn cảnh bắt buộc. Thấy người bố thí, ta phát tâm tùy hỷ trợ giúp, chính ta đã khởi tâm khuyến thiện và phá tan tính tật đố. Công đức của người phát lòng từ bi, dứt tính bợn xén đem so với công đức của người khởi tâm khuyến thiện, dứt tính tật đố ngang nhau.

Lại, công đức y cứ tự tâm mà thành, nên cùng phát sanh trong một việc, mà công đức của người này không làm mòn giảm công đức của người kia. Vì thế, đức Phật thí dụ ngọn lửa của một cây đuốc dù đem trăm ngàn cây đuốc khác đến mỗi, ngọn lửa ấy vẫn không bị giảm khuyết. Tuy cùng làm một việc, mà người phát tâm nhỏ hẹp thì công đức sẽ nhỏ hẹp, người phát tâm rộng lớn thì công đức rộng lớn. Công đức tùy tâm mà có rộng hẹp chứ không do của nhiều ít. Phật dạy: “Người phát tâm rộng lớn bố thí, của chỉ bằng hạt cải mà quả báo như núi Tu-di. Ngược lại, người ôm lòng nhỏ hẹp bố thí, của bằng núi Tu-di, công đức chỉ bằng hạt cải.” (Kinh Kim Cang)

Thấy người làm việc bố thí, chúng ta phát tâm tùy hỷ trợ giúp họ, tự nhiên người ấy sẽ hăng hái vui vẻ làm thêm. Họ càng thích làm bố thí thì những người quanh họ sẽ giảm nhiều phần đau khổ. Vậy ta đã giúp được hai bên bớt khổ thêm vui hiện tại và vị lai. Đó là chưa nói đến phần ích lợi của cá nhân ta. Chính khi ta tùy hỷ việc thiện của người, chắc chắn người đã có cảm tình với ta. Ta đã được công đức ngang bằng họ, lại được họ thương mến ta, thực là một việc làm *nhất cử mà tam lợi*.

Việc làm không tốn hao tài sản, sức lực gì bao nhiêu mà đem lại kết quả lớn lao như vậy, tại sao chúng ta không chịu làm? Hẳn là tính tật đố, ganh tỵ đang ngự trị trong tâm tư chúng ta nên không cho phép ta làm. Lúc nào chúng còn làm chủ ta là lúc ấy ta mãi mãi khổ đau. Bởi chúng xây một bức tường ngăn cách giữa ta và mọi người. Chẳng những ngăn cách thôi, chúng còn tấn công mọi người chung quanh bằng mũi tên thù hận, để rồi ta và mọi người suốt đời mang nặng những vết thương đau khổ hận thù.

Thấy người làm điều thiện, ta không phát tâm hoan hỷ, mà còn sanh tâm tật đố, khinh chê gièm siểm khiến người ấy (nếu không có tín tâm mãnh liệt, ý chí quả cảm) sẽ thối tâm không muốn làm điều thiện nữa, thế là ta đã ngăn trở điều thiện của người và gây ra thù hận giữa ta và họ. Người ngăn trở điều thiện của kẻ khác quả là ma vương đội lốt người. Ta muốn ngăn trở điều tốt của kẻ khác để đề cao cái tốt của ta, kỳ thực, ta đã nói lên với mọi người ta là ma vương, là quỷ sứ.

Đâu ngờ, muốn làm thỏa mãn tánh ngạo mạn của ta, mà ta tự lao mình vào địa ngục A-tỳ.

Bạn bè thân hữu gặp điều may, được việc tốt, ta tùy hỷ với họ là đẹp đẽ biết mấy. Chân thành chung vui với nhau thì tình thân hữu mỗi ngày được gắn bó, mối dây liên lạc giữa ta và người mỗi lúc mỗi siết chặt thêm vì ta và bạn đã hòa đồng trong tâm tưởng hoan hỷ, trong niềm hoan hỷ của nhau. Ranh giới cá nhân, tư hữu được xóa nhòa. Cuộc sống như vậy hạnh phúc biết bao.

Trái lại, thấy bạn có dịp may, được điều tốt, ta sanh tâm đố kỵ, khiến tình keo sơn phải bị rã rời. Biết bao người khi bần cùng bè bạn thân nhau như cốt nhục, nhưng khi một người phát quan hoặc giàu có, một người nghèo khổ thì tình thân ấy tự nhiên ly tán. Phải chăng vì người giàu sang kia sinh tâm bạc bẽo? Không hẳn thế. Lắm khi người giàu sang ấy vẫn hết tình chiều chuộng, mà không sao giữ được tình thân hữu ngày xưa. Ấy là do tính tự ái của kẻ nghèo không cho phép họ lân la với bạn. Nhất là khi những người ở trước mặt mình ca ngợi tài đức của người quen thuộc mình hoặc bè bạn mình mà người ấy vắng mặt. Ở trường hợp đó, nếu ta vẫn giữ được vẻ mặt thản nhiên, không thốt một lời chỉ trích kẻ ấy, thực là điều rất khó. Vì thế, chúng ta nên nhớ mãi câu này: *ngồi nghe người khác khen ngợi bạn mình, mà không thay đổi nét mặt, thật là người can đảm.*

Bởi tánh tật đố, ngã mạn không khi nào muốn nghe ai khen kẻ khác hơn là khen mình. Nếu người ta

khen kẻ khác, tất nhiên mình tìm cách tấn công khiến kẻ ấy mất hết uy tín mới chịu.

Tình bạn, tình cốt nhục không phải do tiền của danh vọng mà có, tại sao vì tiền tài danh vọng, ta lại chia ly tình thân hữu? Nếu vì giàu sang bạn ta thay đổi tình ý, ta xa họ đã đành. Nếu họ vẫn giữ trước sau như một thì ta đừng vì lý do đố kỵ sang hèn mà lẩn tránh họ. Ta nên mừng khi bạn ta được giàu sang, ta nên vui khi bạn ta được sung sướng, đó là tâm niệm tùy hỷ của con người đạo đức.

Tuy nhiên, chúng ta không vì thấy bạn giàu sang, giả tâm tùy hỷ để cầu cạnh van xin. Thái độ đó là thái độ của kẻ hèn hạ, chứ không phải của người thực tâm tùy hỷ.

Lại một điều rất khó, đối với người thù địch của ta khi họ gặp dịp may, làm điều tốt, hay thành công trong một công việc gì, mà ta khởi tâm vui mừng cho họ. Người phát tâm tùy hỷ với kẻ thù địch mình, người ấy đã vượt lên trên tất cả, không còn mảnh lười phiến nào nào bao vây được họ.

Phát tâm tùy hỷ mọi việc vui của người, dĩ nhiên những điều đau khổ của người làm sao ta không thông cảm được? Đã hòa đồng trong niềm vui thì trong cảnh khổ ta đã chia sẻ nhau rồi. Vui khổ của mọi người coi như vui khổ của chúng ta.

Chúng sanh thanh tịnh, Bồ-tát thanh tịnh. Chúng sanh nhiễm ô, Bồ-tát nhiễm ô.

Bao giờ nhân loại tiến bộ được như vậy, thì cõi Ta-bà ế trước này đã trở thành cõi Cực lạc thanh lương. Tìm đâu thấy sự phân chia riêng biệt giữa người này và kẻ khác. Làm gì có sự tranh đấu giữa giai cấp này với giai cấp nọ. Tất cả đồng ưu, cộng lạc. Đó mới là hạnh phúc thật sự của nhân loại, đạo đức như vậy mới chân thật đạo đức.



